

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 410/2024/HC-PT

Ngày: 29/10/2024

V/v “*Kiến hành vi hành chính trong lĩnh
vực quản lý đất đai*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Phạm Văn Hợp

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Ngọc Thái

Ông Nguyễn Văn Tào

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Tấn Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 236/2024/TLPT-HC ngày 09 tháng 8 năm 2024 về việc “*Kiến hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 94/2024/HC-ST ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1984/2024/QĐ-PT ngày 14 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1987. Địa chỉ: 1 N, tổ dân phố I, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đình C, sinh năm 1975. Địa chỉ 139/4 N, tổ dân phố I, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người bị kiện: UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Vũ Văn H** - Chủ tịch;

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Đại T** - Phó Chủ tịch, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông **Trương Văn C1** - Giám đốc (vắng mặt) và ông **Võ Quang H1** - Phó Giám đốc (có mặt) Trung tâm phát triển quỹ đất **thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Vũ Đình C**, sinh năm 1975. Địa chỉ: **1 N, tổ dân phố I, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án người khởi kiện và đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Bà **Nguyễn Thị V** là em ruột của bà **V1** (vợ của ông **C**). Năm 2010, bà **V** đã về ở cùng ông **C**, bà **V1** tại địa chỉ **1 N, tổ dân phố I, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**, đến năm 2012 bà **V** đã tách thành hộ gia đình riêng cùng địa chỉ với ông **C**, bà **V1**.

Năm 2019, **UBND thành phố B** đã tiến hành thu hồi đất để thực hiện dự án hồ thủy lợi EaTam và đã thu hồi diện tích đất và toàn bộ nhà của bà **V**, bà **V1** và ông **C**. Ở thời điểm đó bà **V** đã làm đơn để được giao đất có thu tiền sử dụng đất theo đối tượng hộ phụ, nhưng đến ngày 22/5/2020 Trung tâm phát triển quỹ đất **thành phố B** đã trả lời bà **V** chưa đủ điều kiện để được giao đất vì thửa đất thu hồi là đất nông nghiệp. Ngày 30/12/2022, **UBND thành phố B** đã ban hành Quyết định số 10672/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 điều chỉnh loại đất thu hồi hộ gia đình ông **C** chuyển thành đất ở đô thị. Khi nhận được quyết định điều chỉnh loại đất này bà **V** thấy hộ gia đình của bà đã đủ điều kiện để được giao đất có thu tiền sử dụng đất theo đối tượng hộ phụ nên đã gửi đơn kiến nghị đến **UBND thành phố B**. Ngày 02/6/2023, Trung tâm phát triển quỹ đất **thành phố B** có Công văn số 110/CV-TTPTQĐ cho rằng hộ gia đình bà **V** chưa đủ điều kiện để được giao đất có thu tiền sử dụng đất.

Bà **V** nhận thấy hộ gia đình bà đủ điều kiện để được giao đất có thu tiền sử dụng đất và nội dung trả đơn của Trung tâm phát triển quỹ đất **thành phố B** như trên là không phù hợp với quy định của pháp luật. Do không đồng ý với quyết định và văn bản sự việc trên bà **V** khởi kiện tại Tòa án. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **V** buộc **UBND thành phố B** phải giao đất tái định cư cho hộ bà **Nguyễn Thị V** theo quy định của pháp luật.

Trong Bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày:

- Về việc bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ số 60, phường T, thành phố B: Ngày 25/12/2019, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 9679/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định số 9700/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND thành phố về việc thu hồi đất của hộ ông Vũ Đình C để thực hiện dự án hồ T, phường T, thành phố B. Thi hành Bản án số 39/2022/HC-ST ngày 30/12/2022 UBND thành phố B ban hành Quyết định số 10672/QĐ-UBND về việc điều chỉnh loại đất tại Điều 1 Quyết định số 9700/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND thành phố B (điều chỉnh thành thu hồi 208,2m² đất ở đô thị); Quyết định số 10675/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án hồ T, phường T, thành phố B. Hộ ông Vũ Đình C đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ.

- Về việc tái định cư: UBND thành phố B đã giao cho hộ ông Vũ Đình C 02 thửa đất để sử dụng vào mục đích đất ở tại khu tái định cư Thôn A, xã H (tại Quyết định số 10980/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND thành phố B; Quyết định số 7105/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND thành phố B). Như vậy, UBND thành phố B đã thực hiện theo Bản án số 39/2022/HC-ST hộ ông Vũ Đình C đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ.

- Đối với đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị V: Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án hồ T, phường T không thu hồi đất của bà Nguyễn Thị V. Bà Nguyễn Thị V ở trên đất của hộ ông Vũ Đình C (vợ Nguyễn Thị V1).

Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ quy định: “Trường hợp trong hộ gia đình quy định tại điểm a khoản 1 Điều này mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên 01 (một) thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú ... thì giao Ủy ban nhân dân các huyện căn cứ vào điều kiện quỹ đất ở để quyết định giao đất tái định cư cho từng hộ. Thửa đất giao thêm là thửa đất có diện tích nhỏ nhất trong khu tái định cư” thì bà V không đủ điều kiện giao đất có thu tiền sử dụng đất. Mặt khác, UBND thành phố B đã giao cho hộ ông C 02 thửa đất để sử dụng vào mục đích đất ở tại khu tái định cư Thôn A, xã H.

Từ những căn cứ trên, đề nghị không chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của bà V về việc buộc UBND thành phố B phải giao đất tái định cư cho hộ bà V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Đình C trình bày: Đồng ý với yêu cầu khởi kiện, không có trình bày, yêu cầu gì bổ sung.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 94/2024/HC-ST ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 79 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 2 Điều 4, Điều 5 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V.

1. Tuyên bố hành vi của UBND thành phố B về việc không giao đất tái định cư cho hộ bà Nguyễn Thị V là không phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Buộc UBND thành phố B phải ban hành Quyết định giao cho hộ bà Nguyễn Thị V 01 thửa đất tái định cư theo quy định của pháp luật, theo giá đất được quy định tại Quyết định số 5501/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND thành phố B ban hành (do UBND tỉnh Đ ủy quyền cho UBND thành phố B ban hành).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/7/2024, người bị kiện UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk kháng cáo với nội dung bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V, hủy việc áp dụng giá đất của Bản án sơ thẩm.

Ngày 11/7/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị đề nghị sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người bị kiện UBND thành phố B giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố B, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Đơn kháng cáo của người bị kiện **UBND thành phố B** đúng thủ tục và trong thời hạn nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Năm 2010, bà **Nguyễn Thị V** là em ruột vợ ông **Vũ Đình C** đến ở nhờ, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại hộ ông **Vũ Đình C** ở **1 N, tổ dân phố I, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**. Đến ngày 02/02/2012, bà **Nguyễn Thị V** tách khẩu khỏi hộ ông **Vũ Đình C**, tách cùng địa chỉ **1 N, tổ dân phố I, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** (sổ hộ khẩu có một mình bà **Nguyễn Thị V**).

Năm 2019, thực hiện dự án **hồ T, thành phố B**, Nhà nước thu hồi 208,2m² đất ở đô thị của hộ ông **C**. Hộ ông **Vũ Đình C** đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và được **UBND thành phố B** giao cho 02 thửa đất để sử dụng vào mục đích đất ở tại **khu tái định cư T, xã H, thành phố B** là phù hợp với quy định tại Điều 79 Luật Đất đai năm 2013, Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đ** và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Bà **Nguyễn Thị V** mặc dù có hộ khẩu (sổ hộ khẩu có một mình bà **Nguyễn Thị V**) và ở tại địa chỉ của thửa đất bị thu hồi (của hộ ông **C**), tuy nhiên bà **V** ở nhờ, không có quyền sử dụng đất riêng hoặc chung đối với thửa đất này, không có nhà riêng hay chung gắn với thửa đất bị thu hồi, không thuộc đối tượng bị thu hồi đất, không thuộc trường hợp nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên 01 thửa đất bị thu hồi, do đó không đủ điều kiện được cấp, giao đất tái định cư. Mặt khác, thửa đất của hộ ông **C** bị thu hồi 208,2m² nhưng **UBND thành phố B** đã giao 02 lô đất tái định cư cho hộ Chiêm với diện tích 240m² (nhiều hơn diện tích đất bị thu hồi) là đã đảm bảo chế độ, quyền lợi khi thu hồi đất theo quy định của pháp luật. Do vậy, trong trường hợp này không thể buộc **UBND thành phố B** phải bố trí giao thêm lô đất tái định cư cho hộ bà **Nguyễn Thị V**.

Từ những nhận định nêu trên, nhận thấy việc bà **V** khởi kiện yêu cầu **UBND thành phố B** phải giao đất tái định cư cho hộ bà **Nguyễn Thị V** là không có căn cứ chấp nhận.

Do đó, kháng cáo của người bị kiện **UBND thành phố B**, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị V** là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của người khởi kiện không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính sơ thẩm; người bị kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 26/QĐ-VKS-HC ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, kháng cáo của người bị kiện **UBND thành phố B**, tỉnh Đắk Lắk, sửa Bản án hành chính sơ thẩm 94/2024/HC-ST ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị V** về việc buộc **UBND thành phố B**, tỉnh Đắk Lắk phải giao đất tái định cư cho hộ bà **Nguyễn Thị V** theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Người khởi kiện bà **Nguyễn Thị V** phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà **Nguyễn Thị V** đã nộp (do ông **C** nộp thay) theo biên lai thu số 0006458 ngày 16/01/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk không phải chịu phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm, được hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng đã nộp (do ông (bà) **Nguyễn Kim T1** nộp thay) theo biên lai thu số 0014002 ngày 23/7/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Văn Hợp

